

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Ya
Wan Hong Việt Nam ngày 20 tháng 12 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
97/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam, địa chỉ
tại Cụm công nghiệp Nghĩa An, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất
và in ấn bao bì” tại Cụm công nghiệp Nghĩa An, xã Nghĩa An, huyện Ninh
Giang, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất và in ấn bao bì.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Nghĩa An, xã Nghĩa An, huyện
Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên mã số 0801432682 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch
và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2024; Quyết định số
2850/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về chấp thuận
chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy
sản xuất và in ấn bao bì.

1.4. Mã số thuế: 0801432682.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Sản xuất, gia công, in ấn bao bì và các sản phẩm từ giấy thành phẩm; sản xuất và gia công các loại đồ chơi bằng nhựa; sản xuất và gia công các loại đồ chơi bằng giấy, vải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích thực hiện dự án: 34.036 m².

- Công suất: Sản xuất, gia công, in ấn các loại bao bì: quy mô 6.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đồ chơi bằng nhựa: quy mô 2.500.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công đồ chơi bằng giấy: quy mô 4.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất gia công đồ chơi bằng vải: quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm nước thải, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện

pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý nước thải, khí thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ninh Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Ninh Giang;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-UBND

ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của nhà máy.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn của nhà máy.
- Nguồn số 3: Nước thải đập bụi sơn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất sau đó tuần hoàn lại cho quá trình đập bụi sơn, không thải ra môi trường.
- Nguồn số 4: Nước thải chứa mực in được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất sau đó tuần hoàn lại cho quá trình đập bụi sơn, không thải ra môi trường.
- Nguồn số 5: Nước làm mát khuôn ép nhựa được dẫn vào tháp giải nhiệt và sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương thoát nước chung của khu vực tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m)= 2299839; Y (m): 589057.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 45 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý được xả theo phương thức tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả vào mương thoát nước chung của khu vực tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Điểm xả nước thải sau xử lý có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận* đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (mức A, giá trị $C_{\max}$ với hệ số $K = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	$5 \div 9$	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500		
5	Sunfua (S^{2-}), tính theo H ₂ S	mg/l	1,0		
6	Amoni (NH_4^+), tính theo Nitơ	mg/l	5		
7	Nitrat (NO_3^-), tính theo N	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO_4^{3-}), tính theo P	mg/l	6		
11	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các bể tự hoại và bể tách mỡ tự chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45 m³/ngày đêm bằng đường ống nhựa PVC, D300 với tổng chiều dài 374 m, độ dốc 0,33%.

- Nước thải sản xuất từ khu vực dập bụi sơn và rửa khuôn mực in bơm về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 5 m³/ngày đêm bằng

đường ống nhựa PVC D300 với tổng chiều dài 60m. Nước thải sau xử lý sẽ được tuần hoàn về hệ thống xử lý khí thải sơn.

- Nước làm mát khuôn ép nhựa được dẫn vào tháp giải nhiệt và sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

a) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể sau xử lý → Môi trường.

- Công suất thiết kế hệ thống: 45m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: bể gom thể tích 3,3 m³; bể điều hòa thể tích 17,0 m³; bể thiếu khí thể tích 12,9 m³; bể hiếu khí thể tích 25,1 m³; bể lắng thể tích 9,7 m³; bể khử trùng thể tích 2,67 m³; bể sau xử lý thể tích 1,78 m³; bể chứa bùn thể tích 6,6 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước Javen: 0,3 lit/ngày; Polyme và PAC: 2,9 kg/ngày; NaOH: 1,8 kg/ngày (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này)

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể gom → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Tuần hoàn lại đập bụi sơn.

- Công suất thiết kế hệ thống: 5m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: bể gom thể tích 0,34m³; bể điều chỉnh pH thể tích 0,38m³; bể phản ứng thể tích 0,38 m³; bể keo tụ thể tích 0,38 m³; bể tạo bông thể tích 0,38 m³; bể lắng hóa lý thể tích 1,05 m³; bể trung gian 0,75 m³; bể chứa bùn thể tích 0,49 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: HCl 2 lit/ngày; PAC 0,5kg/ngày; hóa chất Polyme 0,1kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Định kỳ kiểm tra các đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

+ Bố trí nhân viên vận hành đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình và ghi nhật ký vận hành hệ thống.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy thổi khí; máy bơm nước thải để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Trong thời gian khắc phục sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống bể xử lý; Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong trường hợp các bể xử lý không đủ khả năng lưu chứa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45 m³/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* 02 điểm (01 điểm lấy tại bể gom và 01 điểm lấy tại vị trí xả thải ra môi trường tiếp nhận).

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình xả thải vào hệ thống mương thoát nước chung của CCN Nghĩa An, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước mương, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ninh Giang.

3.6. Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực in.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực ép nhựa.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: có 02 dòng khí thải.

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng nguồn số 01; số 02): Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in, ép nhựa công suất 25.000 m³/h;

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng nguồn số 03): Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sơn công suất 10.000 m³/h;

2.2. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', vĩ độ 3⁰)

- Tọa độ dòng khí thải số 01: X(m) = 2299901; Y(m) = 589175.

- Tọa độ dòng khí thải số 02: X(m) = 2299895; Y(m) = 589233.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 35.000 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: 24h/24h.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với K_p = 0,9; K_v = 1,2) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Xylen	mg/Nm ³	870		
3	Propyleneoxyt	mg/Nm ³	240		
4	1,3-Butadien	mg/Nm ³	2.200		

5	Styren	mg/Nm ³	100		
6	Vinylclorua	mg/Nm ³	20		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	216		
3	Toluen	mg/Nm ³	750		
4	Xylen	mg/Nm ³	870		
5	n-butyl axetat	mg/Nm ³	950		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01 - số 02: Khí thải từ khu vực in, ép nhựa được thu gom vào ống dẫn khí về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Khí sạch được thoát ra môi trường qua ống dẫn khí.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ khu vực sơn được thu gom vào ống dẫn khí về tháp hấp phụ bằng nước kết hợp hấp phụ bằng than hoạt tính. Khí sạch được thoát ra môi trường qua ống dẫn khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Công trình xử lý khí thải khu vực in, ép nhựa

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải khu vực in, ép nhựa → Đường ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí ra môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật:

+ Ống dẫn khí: kích thước D900 (mm), chiều dài 225m.

+ Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính: 01 cái, kích thước D×R×H = 3150×1950×2300 (mm), chất liệu tôn mạ kẽm.

+ Quạt hút: 01 chiếc, lưu lượng 25.000 m³/h, công suất 15kW.

- + Ống thoát khí: 01 cái, kích thước D900 (mm), cao 9m.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 620 kg/năm.

1.2.2. Công trình xử lý khí thải khu vực sơn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải khu vực sơn → Đường ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng nước → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí ra môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 10.000 m³/h.
- Thông số kỹ thuật:

+ Ống dẫn khí: kích thước D600 (mm), chiều dài 58m.

+ Tháp hấp thụ bằng nước: 01 cái, đường kính D1300 (mm), cao 5,1 m, chất liệu tôn mạ kẽm.

+ Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính: 01 cái, kích thước D×R×H = 1900×1100×1800 (mm), chất liệu tôn mạ kẽm.

+ Quạt hút: 01 chiếc, lưu lượng 10.000 m³/h, công suất 5,5kW.

+ Ống thoát khí: 01 cái, kích thước D600 (mm), cao 8m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 268 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và vận hành hệ thống theo quy trình.

+ Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng năm.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị xử lý, quạt hút.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hỏng.

- Biện pháp khắc phục sự cố:

+ Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng).

+ Xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 30 tháng 6 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực in, ép nhựa công suất 25.000 m³/h.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn công suất 10.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực in, ép nhựa công suất 25.000 m ³ /h	01
2	Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn công suất 10.000 m ³ /h.	01

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở

Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án.

3.3. Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục III
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 05 nguồn phát sinh.

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy ép nhựa.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phun sơn.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của các máy trong hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của quạt hút khu vực hệ thống xử lý khí thải khu vực in, ép nhựa.
- Nguồn số 05: Từ hoạt động của quạt hút khu vực hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰.

- Nguồn ồn 1: X(m) = 2299871; Y(m) = 589158.
- Nguồn ồn 2: X(m) = 2299904; Y(m) = 589258.
- Nguồn ồn 3: X(m) = 2299959; Y(m) = 589146.
- Nguồn ồn 4: X(m) = 2299958; Y(m) = 589194.
- Nguồn ồn 5: X(m) = 2299959; Y(m) = 589193.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	85	17 02 03
3	Bao bì mềm thải	Rắn	16	18 01 01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại thải	Rắn	40	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại thải	Rắn	2000	18 01 03
6	Pin và ắc quy thải	Rắn	3	19 06 01
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	50	16 01 13
9	Mực in thải	Lỏng	100	08 02 01
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Bùn	300	12 02 02
11	Cặn sơn thải	Rắn	260	08 01 01
12	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	888	12 01 04
Tổng			3.847	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy, bìa carton thải	Rắn	18 01 05	60.000
2	Bao bì nilon rách, hỏng	Rắn	18 01 06	750
3	Bavia nhựa, các mảnh phế liệu và sản phẩm lỗi thải bỏ không tái sử dụng được	Rắn	19 03 03	20.000
4	Vải thừa hỏng	Rắn	-	10.000
6	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải; bể tự hoại; hệ thống thu gom nước mưa	Bùn	12 06 13	15.000
Tổng				105.750

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 92,3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Trang bị 12 thùng chứa, mỗi thùng có dung tích 120 lít, làm bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín. Trên mỗi thùng có kí hiệu cảnh báo nguy hiểm, hình ảnh và tên các loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu lưu chứa chất thải nguy hại

Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại: diện tích 05 m², kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông, có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bố trí kho chứa chất thải rắn công nghiệp: diện tích 15 m².

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 10-120 lít/thùng tại các vị trí phát sinh chất thải như nhà ăn, nhà văn phòng, xưởng sản xuất, xung quanh sân đường.

Bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: có diện tích 5 m².

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Khi Cụm công nghiệp Nghĩa An có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định, Công ty TNHH Ya Wan Hong Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nghĩa An.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.